CTCP Cao su Hòa Bình (HSX: HRC)

FireAnt

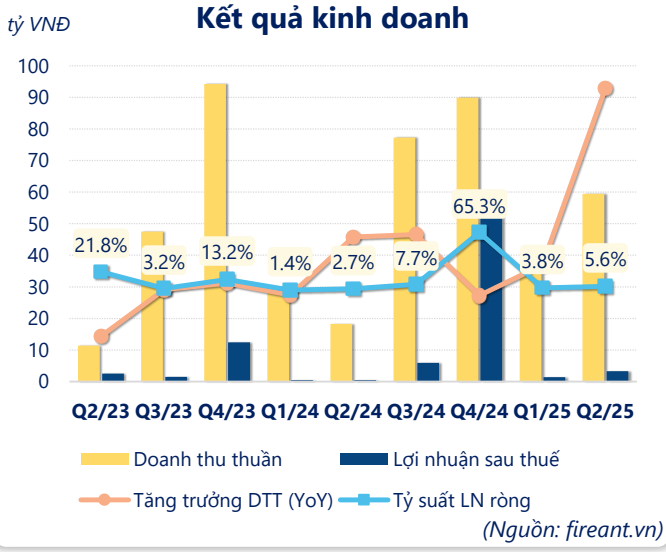
Ngày 30/06/2025	31,900 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-2.1%	**-20.1%**	**-12.6%**

ROE — Q2/25: **12.2%** | +/- YoY: ▲ 9.4%

	Q2/25	QoQ	YoY
DT thuần	**59.5** tỷ VNĐ	▲ 22.2 ▲ 59.4%	▲ 41.2 ▲ 225%
LN gộp	**5.26** tỷ VNĐ	▼ 2.74 ▼ 34.2%	▲ 1.71 ▲ 48.3%
LN thuần	**1.60** tỷ VNĐ	▲ 0.01 ▲ 0.4%	▲ 2.72 ▲ 243%
LN sau thuế	**3.32** tỷ VNĐ	▲ 1.89 ▲ 132%	▲ 2.82 ▲ 564%

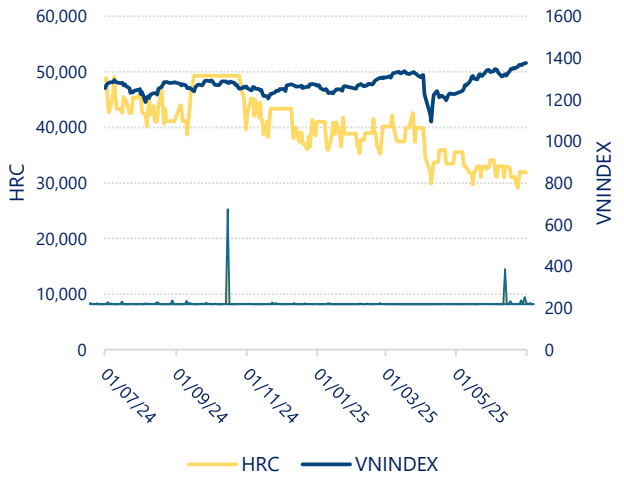
	6T 2025	YoY
DT thuần	**96.8** tỷ VNĐ	▲ 49.6 ▲ 105%
LN gộp	**13.3** tỷ VNĐ	▲ 7.06 ▲ 113%
LN thuần	**3.19** tỷ VNĐ	▲ 6.54 ▲ 195%
LN sau thuế	**4.75** tỷ VNĐ	▲ 3.84 ▲ 421%

Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

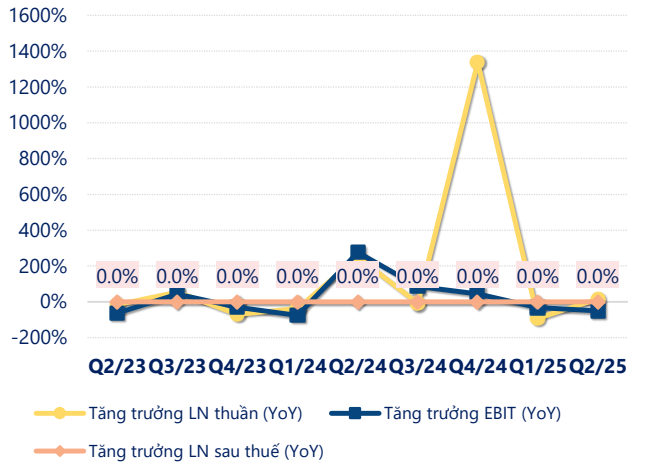
Lịch sử giá



CTCP Cao su Hòa Bình (HSX: HRC)

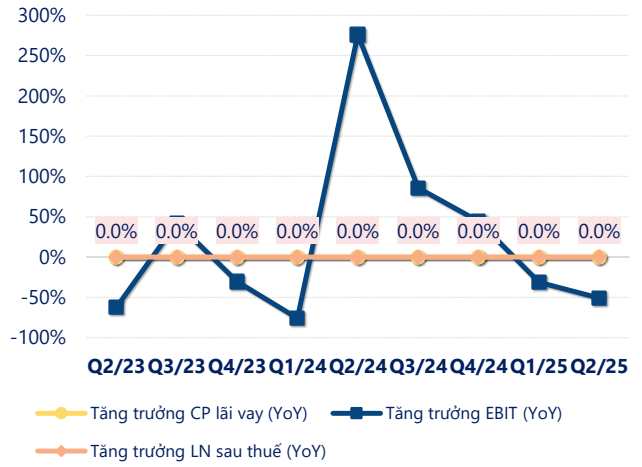
FireAnt

Tăng trưởng lợi nhuận



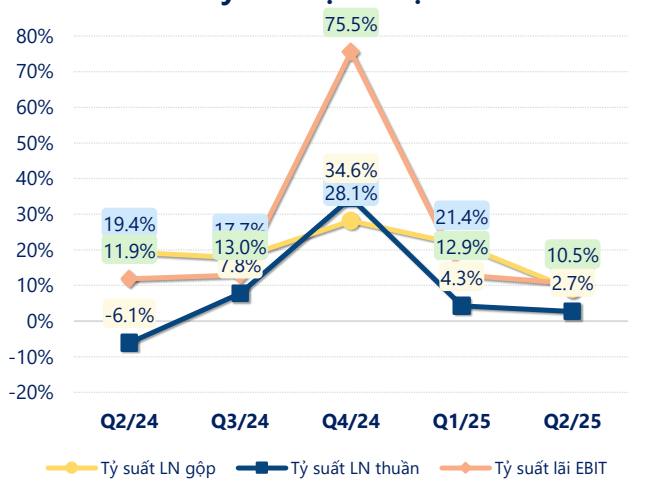
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí



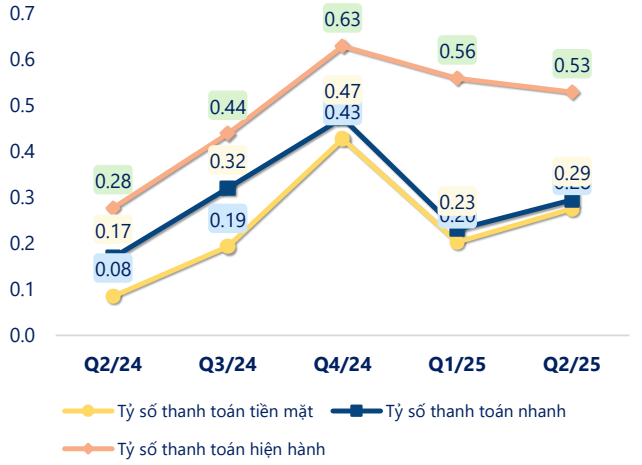
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



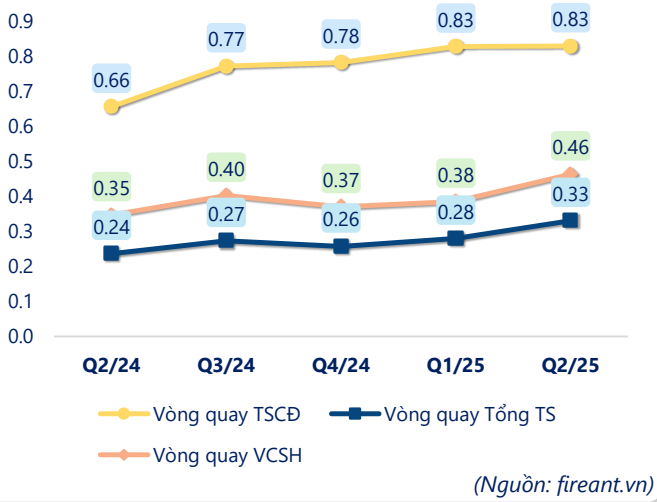
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



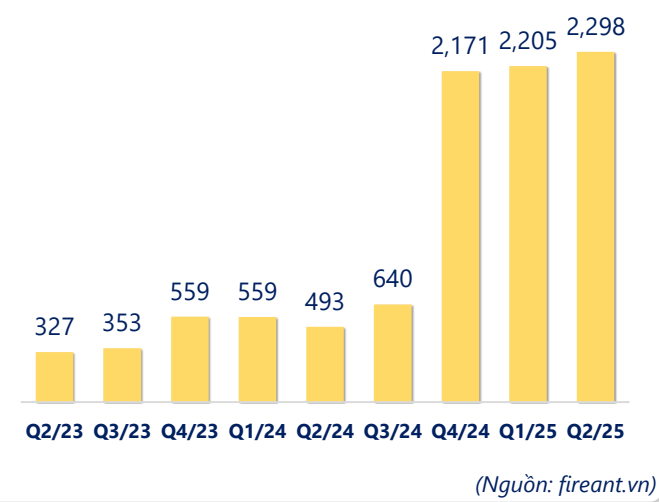
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

EPS

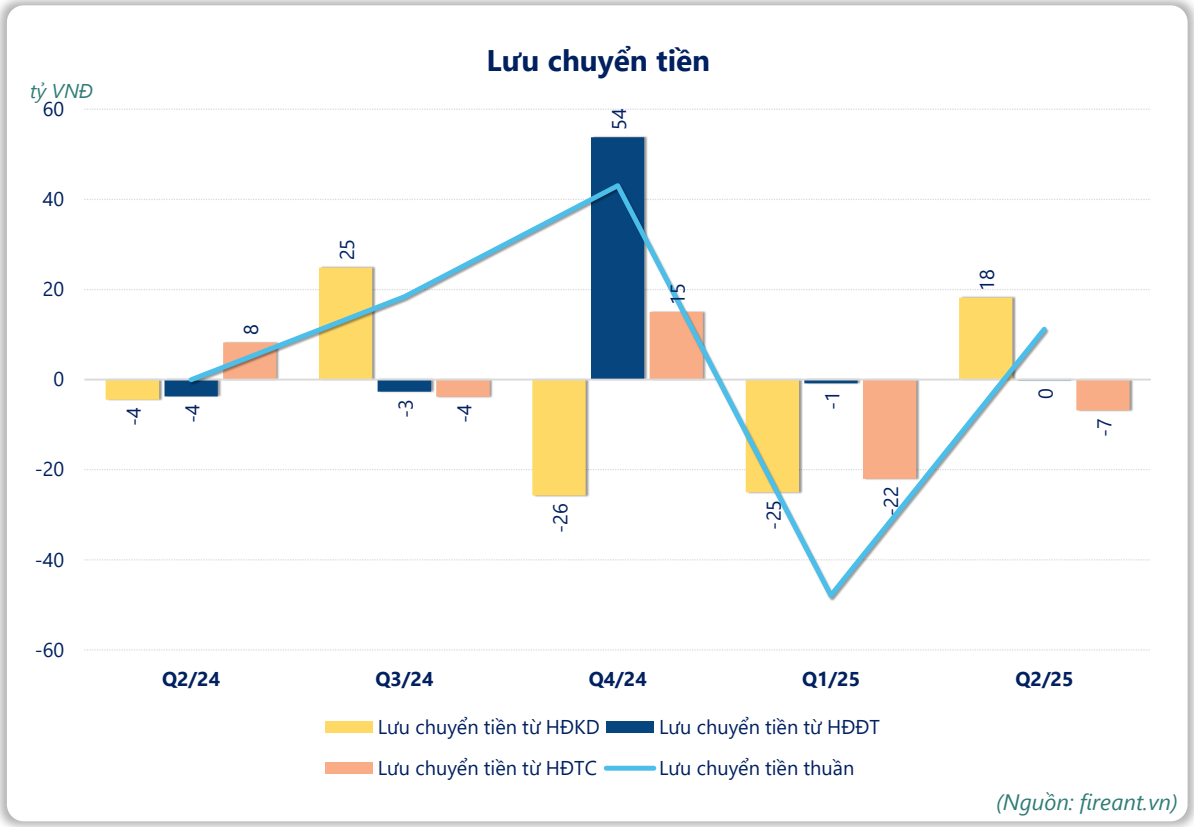


(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Cao su Hòa Bình (HSX: HRC)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**59.5**	**18.3**	**225%**	**96.8**	**47.2**	**105%**
Giá vốn hàng bán	54.2	14.7	269%	83.5	40.9	104%
Lợi nhuận gộp	5.26	3.55	48.3%	13.3	6.24	113%
Doanh thu HĐTC	0.24	0.07	248%	0.33	0.20	64.1%
Chi phí TC	0.88	1.80	-50.9%	3.93	4.82	-18.4%
Chi phí lãi vay	2.72	1.67	62.7%	5.76	4.69	22.9%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.53	0.33	60.0%	0.77	0.68	13.5%
Chi phí QLDN	**2.50**	**2.60**	**-3.9%**	**5.69**	**4.29**	**32.8%**
LN thuần từ HĐKD	1.60	-1.12	243%	3.19	-3.35	195%
Lợi nhuận khác	**1.94**	**1.61**	**20.2%**	**2.13**	**4.26**	**-50.1%**
LN trước thuế	3.53	0.50	607%	5.32	0.91	483%
Lợi nhuận sau thuế	**3.32**	**0.50**	**564%**	**4.75**	**0.91**	**421%**
LNST của CĐ cty mẹ	**3.32**	**0.50**	**564%**	**4.75**	**0.91**	**421%**

(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)